

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CANH TÁC THANH LONG TRỒNG TRÊN ĐẤT PHÈN TẠI HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Minh Chánh¹, Lê Vĩnh Thúc²,
Lý Ngọc Thanh Xuân³, Nguyễn Quốc Khương²

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả đánh giá hiện trạng canh tác thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thông qua phỏng vấn nông hộ và phân tích ma trận SWOT trong thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2020. Dựa trên phiếu điều tra đã được thiết kế, 120 nông hộ được phỏng vấn về kỹ thuật canh tác, hiện trạng sử dụng phân bón, tình hình dịch bệnh trên thanh long. Kết quả cho thấy người canh tác thanh long có kinh nghiệm sản xuất mặc dù diện tích canh tác chủ yếu nhỏ lẻ và có kỹ thuật canh tác phù hợp về thiết kế mô hay liếp, tưới tiêu nước, quản lý cỏ và xông đèn để xử lý ra hoa trái vụ. Lượng phân bón N, P, K cho cây thanh long trồng trụ và trồng giàn trung bình là 798; 455; 456 kg/ha. Phân hữu cơ vi sinh hay chế phẩm vi sinh chưa được sử dụng phổ biến. Bệnh đốm nâu và thán thư là các bệnh phổ biến trên cây thanh long trồng tại Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Từ khóa: Thanh long, kỹ thuật canh tác, bệnh, phân bón

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tam Bình là huyện có diện tích trồng thanh long nhiều nhất trong tỉnh Vĩnh Long, với khoảng 146 ha. Trong thời gian qua, cây thanh long đã góp phần đáng kể trong việc cải thiện đời sống của nông dân trong huyện và hiện nay cây thanh long không chỉ mở rộng thêm về diện tích mà còn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt nông dân trong huyện bắt đầu chuyển qua thu quả thanh long trái vụ để có giá trị kinh tế cao hơn (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tam Bình, 2019). Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất thanh long của huyện còn thấp và phát triển kém bền vững. Trong nhiều yếu tố ảnh hưởng thì thị trường tiêu thụ sản phẩm còn gặp khá nhiều khó khăn, cung cầu không cân đối, sản xuất nhỏ lẻ thiếu nguồn nguyên liệu tập trung qui mô lớn, thiếu sự phát triển bền vững mang tính chiến lược trong qui hoạch; dịch bệnh phát sinh nhiều, chi phí sản xuất tăng. Ngoài ra, để tăng năng suất trong canh tác, nông dân sử dụng nhiều phân bón hóa học, nông dươc làm ảnh hưởng đến môi trường. Do vậy, rất khó tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh. Mô hình trồng thanh long ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã mang lại hiệu quả kinh tế cao (Nguyễn Quốc Nghi và *ctv.*, 2014). Để góp phần cải thiện sinh kế người dân, các kỹ thuật sản xuất thanh long cần được thực hiện phù hợp với điều kiện địa phương.

(i) Khảo sát hiện trạng kỹ thuật canh tác thanh long;

(ii) Xác định tình hình sử dụng phân bón vô cơ, hữu cơ, tình hình dịch hại và biện pháp phòng trị của nông dân đối với thanh long; (iii) Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của mô hình canh tác thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các nông hộ trồng thanh long ruột đỏ tại 3 xã: Song Phú, Mỹ Lộc và Hậu Lộc của huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Phương pháp chọn nông hộ điều tra

2.2.1. Phỏng vấn nông hộ

Phỏng vấn nông hộ về kỹ thuật canh tác thanh long dựa trên phiếu điều tra đã soạn sẵn bao gồm các thông tin chung về nông hộ, kỹ thuật canh tác, tình hình sử dụng phân bón, quản lý dịch hại và biện pháp phòng trị.

2.2.2. Phân tích ma trận SWOT

Phân tích ma trận SWOT về hiện trạng canh tác cho vùng sản xuất thanh long cũng được thực hiện để phân tích những thuận lợi, khó khăn nhằm xác định giải pháp cụ thể để phát huy những thuận lợi và khắc phục những khó khăn. Trong đó, điểm mạnh (S): Các yếu tố thuận lợi giúp phát triển mô hình canh tác thanh long; Điểm yếu (W): Các yếu tố bất lợi gây ra hạn chế cho phát triển mô hình; Cơ hội (O): Các biện pháp cần được thực hiện để góp phần phát triển tốt hơn; Thách thức (T): Các yếu tố có thể dẫn đến kết quả bất lợi không mong đợi.

¹ Học viên cao học ngành Hệ thống Nông nghiệp khóa 25, Trường Đại học Cần Thơ

² Bộ môn Khoa học cây trồng, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ

³ Khu Thí nghiệm - thực hành, Trường Đại học An Giang, Đại học quốc gia TP HCM

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được ghi nhận, mã hóa để kiểm tra và tính toán trước khi thực hiện việc xử lý và phân tích bằng phần mềm Excel và SPSS.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian thu thập thông tin sơ cấp, phỏng vấn trực tiếp nông hộ trồng thanh long từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2020.

Địa điểm: Huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm nông hộ trồng thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Kết quả điều tra 120 nông hộ trồng thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long được trình bày trong bảng 1 cho thấy:

Độ tuổi nông hộ: Độ tuổi của nông hộ trồng thanh long bao gồm dưới 40 tuổi chiếm 20%, độ tuổi từ 40 - 50 tuổi chiếm 40%, độ tuổi từ 51 - 60 tuổi chiếm tỷ lệ 26,7% và độ tuổi trên 60 tuổi chiếm 13,3%.

Giới tính: Trong tổng số 120 hộ canh tác thanh long trên địa bàn nghiên cứu, chủ hộ giới tính nam chiếm 85%, còn lại 15% giới tính chủ hộ là nữ.

Trình độ học vấn: Trình độ học vấn có ảnh hưởng rất lớn đối với việc tiếp cận khoa học vào trong sản xuất và khả năng nhận thức các vấn đề kinh tế xã hội. Kết quả khảo sát thực tế tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, đa phần chủ hộ có trình độ cấp 1 và cấp 2. Cụ thể trình độ của chủ hộ như sau: có 42 chủ hộ được khảo sát có trình độ cấp 1 chiếm tỷ lệ 35% và 38,3% nông hộ có trình độ cấp 2 với 46 chủ hộ, còn lại 32 chủ hộ có trình độ cấp 3 với tỷ lệ khá cao 26,7%. Như vậy, hầu hết nông hộ canh tác thanh long được khảo sát đều biết chữ và cho thấy trình độ học vấn của nông hộ ngày một được nâng lên để phù hợp với canh tác nông nghiệp hiện nay.

Kinh nghiệm sản xuất: Có đến 62 nông hộ được khảo sát có kinh nghiệm sản xuất thanh long từ 1 đến 3 năm (chiếm 51,7%) và 49 nông hộ có kinh nghiệm sản xuất từ 4 đến 6 năm (chiếm 40,8%), chỉ có 9 hộ có kinh nghiệm sản xuất thanh long từ 7 đến 9 năm (chiếm 7,5%) (Bảng 1). Kết quả cho thấy tích lũy kinh nghiệm sản xuất thanh long là một yếu tố mang tính chất thời gian, góp phần quan trọng trong sử dụng hợp lý hơn về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kỹ thuật sản xuất.

Bảng 1. Thông tin về độ tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm trồng, số lao động trực tiếp, diện tích, tuổi cây và tuổi liếp vườn thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (tháng 11/2019)

Yếu tố	Mức	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Độ tuổi nông hộ trồng thanh long (tuổi)	< 40	20,0
	40 - 50	40,0
	51 - 60	26,7
	> 60	13,3
Giới tính	Nam	85
	Nữ	15
Trình độ học vấn (cấp)	1	35,0
	2	38,3
	3	26,7
Kinh nghiệm trồng thanh long (năm)	1 - 3	51,7
	4 - 6	40,8
	> 6	7,5
Công lao động trực tiếp (người)	≤ 2	85,0
	3 - 4	10,8
	> 4	4,2
Diện tích vườn (ha)	< 0,5	55,8
	0,5 - 1,0	35,8
	1,0 - 2,0	7,5
	> 2,0	0,8
Tuổi cây (năm)	< 2	0,0
	2 - 4	78,3
	> 4	21,7
Tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội	Hội nông dân	51,7
	Hội khác	19,1
	Không tham gia	29,2

Diện tích canh tác: Phần lớn đất trồng thanh long là đất tự có của gia đình, yếu tố góp phần giảm chi phí đầu tư cho sản xuất. Tuy nhiên, diện tích trồng thanh long giữa các nông hộ có sự chênh lệch lớn. Các hộ có diện tích trồng thanh long dưới 0,5 ha là 67 hộ chiếm 55,8%. Số hộ trồng thanh long có diện tích từ 0,5 ha đến 1,0 ha là 43 hộ chiếm 35,8%; trên 1,0 ha đến 2,0 ha chiếm 7,5% và trên 2,0 ha chỉ chiếm 0,9%. Điều này cho thấy nguồn lực về đất sản xuất tại vùng khảo sát không đồng đều. Đa số các hộ dân có diện tích đất sản xuất nhỏ; do đó, các hộ này không có nhu cầu hoặc không có điều kiện về nguồn vốn để mở rộng diện tích sản xuất, chỉ những hộ có diện tích tương đối lớn, phần lớn là do được gia đình để lại có nhu cầu vay thêm vốn để phát triển vườn thanh long. Đồng thời, thực trạng trên cho thấy diện

tích đất trồng thanh long chỉ ở quy mô nhỏ lẻ. Đây là một trở ngại đối với việc xây dựng một vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn (Bảng 1).

Nguồn lực: 102 hộ có từ 1 đến 2 lao động (chiếm 85%), 13 hộ có số lao động từ 3 đến 4 người (chiếm 10,8%) và số hộ có từ 5 đến 6 lao động chỉ có 5 hộ (chiếm 4,2%). Nhân khẩu ở các nông hộ cao nhưng các nông hộ lại gặp phải tình trạng thiếu lao động gia đình trong quá trình canh tác do lao động trên địa bàn tập trung vào các khu công nghiệp làm công nhân (Bảng 1).

Tuổi cây: Đa số diện tích vườn cây thanh long có tuổi cây 2 - 4 năm chiếm 78,3%, vườn cây có độ tuổi trên 4 năm chiếm 21,7% (Bảng 1).

Tham gia hội, đoàn thể: Các nông hộ khảo sát có đến 51,7% tham gia hội nông dân trong khi có đến 29,2% hộ gia đình không có tham gia bất kỳ hội nào (Bảng 1).

3.2. Hiện trạng canh tác thanh long tại huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long

Khoảng cách hàng: Đa số vườn điều tra có khoảng cách hàng 2,0 - 2,5 m, chiếm 62,5%. Khoảng cách hàng dưới 2,0 m là 19,2% và trên 2,5 m là 18,3%.

Mật độ trồng: Đối với trồng trụ mật độ trung bình 530 hom/công (1000 m²), hộ trồng ít nhất là 360 hom (90 trụ) và hộ trồng dày nhất đến 750 hom/công (187 trụ). Đối với hình thức trồng giàn mật độ trung bình là 1.040 hom/công, mật độ trồng cao nhất là 1.530 hom/công và thấp nhất 750 hom/công. Trong đó, đối với trồng trụ có 14 hộ trồng ở mật độ 900-1100 trụ/ha (chiếm 15,7%) trong khi có đến 75 hộ trồng ở mật độ > 1100 trụ/ha (chiếm 84,3%). Mật độ này cao hơn mật độ theo khuyến cáo 900 - 1100 trụ/ha (Trần Danh Sửu và *ctv.*, 2017).

Thiết kế vườn: Kết quả điều tra nông hộ cho thấy 100% vườn trồng nằm trong đê bao chung của xã, trong đó khoảng 5,83% số vườn có đê bao riêng. Sự đa dạng về độ rộng mô cũng được ghi nhận: độ rộng mô ≤ 1 m chiếm 32,5%, độ rộng mô > 1 m chiếm 67,5%. Bên cạnh đó, số vườn có độ cao mô từ 0,2 đến 0,5 m chiếm 55%, độ cao mô > 0,5 m chỉ chiếm 45%.

Tưới nước: Nước tưới cho cây thanh long được bơm trực tiếp từ sông. Nông hộ sử dụng hệ thống phun bét là chủ yếu, chiếm 98,3%.

Quản lý cỏ dại: Đa số các nông hộ quản lý cỏ dại bằng máy cắt chiếm 78,3% và tú vào gốc thanh long, còn lại là làm bằng tay, chiếm 21,7%.

Bảng 2. Khoảng cách hàng, mật độ trồng thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long năm 2019

Yếu tố kỹ thuật canh tác		Mức	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Hàng cách hàng (m)		≤ 2,0	19,2
		2,0 - 2,5	62,5
		> 2,5	18,3
Mật độ trồng (hom/1.000m ²)	Trụ	360 - 750	74,2
	Giàn	750 - 1.530	25,8
Cao mô (m)		< 0,2	0,0
		0,2 - 0,5	55,0
		> 0,5	45,0
Rộng mô (m)		≤ 1,0	32,5
		> 1,0	67,5

Xử lý ra hoa: Tất cả các nông hộ đều xử lý cho thanh long ra hoa trái vụ để tăng hiệu quả kinh tế. Thời điểm xử lý ra hoa thanh long trái vụ vào khoảng tháng 9 âm lịch. Sau khi thu hoạch và thời điểm trước xử lý ra hoa tiến hành cắt tỉa các cành già, cành bệnh. Việc tỉa cành nhằm loại bỏ những cành không thể cho trái vào vụ kế tiếp và loại bỏ mầm bệnh lưu tồn trên cây. Tỉa trái được tiến hành vào giai đoạn cây cho trái non và được tỉa từ 2 đến 3 lần trên vụ để chọn lại những trái có kích thước, hình dạng đồng đều đáp ứng nhu cầu thị trường.

Bảng 3. Biện pháp canh tác thanh long tại huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long năm 2019

Yếu tố kỹ thuật canh tác	Mức	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Biện pháp tưới	Máy bơm	0
	Phun bét	98,3
	Phun tay	1,70
Quản lý cỏ dại	Máy cắt	78,3
	Làm tay	21,7
	Phun thuốc trừ cỏ	0,0
	Không làm cỏ	0,0
Xử lý ra hoa	Tự nhiên (thuận)	0,0
	Xông đèn (nghịch vụ)	100
Xông đèn thanh long (ngày)	< 12	0,0
	12 - 14	84,2
	> 14	15,8
Tỉa cành	Thường xuyên	100
	Rất ít hoặc không	0,0
Phủ mô (liếp)	Có	100
	Không	0,0

Xông đèn thanh long: Việc thấp đèn dựa trên cơ sở thanh long là cây ngày dài dùng ánh sáng đèn để cắt đêm dài. Hiện nay có 100% hộ dân trồng thanh long trên địa bàn huyện Tam Bình đều xông đèn vì thanh long cho trái tự nhiên từ tháng 4 đến tháng 10 dương lịch. Tuy nhiên, vào thời điểm này thanh long thường có giá thấp. Có 100% hộ được khảo sát có xông đèn để xử lý ra hoa thanh long nghịch vụ bằng bóng đèn 20W. Theo Lê Văn Bé và cộng tác viên (2014), sử dụng đèn compact 15-20W xử lý thanh long ra hoa trái vụ có hiệu quả kinh tế hơn so với bóng đèn tròn 60W.

Phủ mô (liếp): Tất cả các nông hộ đều phủ liếp cho cây thanh long bằng cách tú rơm để giữ độ ẩm cho gốc thanh long.

3.3. Tình hình bổ sung dưỡng chất cho cây thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Phân vô cơ được sử dụng để bón cho cây thanh long tại Tam Bình gồm có phân NPK (20 - 20 - 0),

(23 - 23 - 0), (20 - 20 - 15), (16 - 16 - 8), với lượng phân NPK trung bình theo thứ tự 798, 455 và 456 kg/ha. Kết quả điều tra cho thấy người trồng thanh long sử dụng phân bón NPK rất khác nhau thông qua mức độ biến động ở các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất ở bảng 4. Cụ thể, lượng phân NPK cao nhất lên đến 1.849, 1.408 và 1.379 kg/ha, theo thứ tự. Trong đó, lượng phân NPK trung bình cho trồng trụ và trồng giàn lần lượt là 713 - 468 - 472 và 1.042 - 413 - 408 kg/ha. Theo khuyến cáo của Viện cây ăn quả miền Nam thì lượng phân bón cho cây thanh long trong giai đoạn kinh doanh là: 553,7 - 582,4 - 550 kg/ha (1.100 trụ/ha). Ngoài ra, lượng phân N, P, K cân đối khuyến cáo bón cho cây thanh long theo tỉ lệ (1 : 2 : 2) hoặc (1 : 3 : 2) ở giai đoạn trước khi ra hoa và tỉ lệ (3 : 1 : 2), (2 : 1 : 2), (2 : 1 : 3), (1 : 1 : 1) ở giai đoạn nuôi nụ và nuôi trái (Trần Danh Sửu và *ctv.*, 2017). Như vậy, nông dân ở vùng này bón N, P, K cho cây thanh long không cân đối và cao hơn khuyến cáo.

Bảng 4. Dưỡng chất từ phân bón hóa học (N, P, K) và các sản phẩm hữu cơ được nông dân sử dụng cho thanh long trồng trụ và trồng giàn tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long qua điều tra năm 2019

Dưỡng chất		Trồng trụ			Trồng giàn			Tổng		
		Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất
Lượng phân bón (kg/ha)	N	364	713 ± 249	1.849	646	1.042 ± 281	1.762	364	798 ± 294	1.850
	P	112	468 ± 260	936	193	413 ± 298	1.408	112	454 ± 270	1.408
	K	111	472 ± 267	1.300	193	408 ± 277	1.379	111	456 ± 270	1.379
Bón phân hóa học/năm (lần)		8	9,5 ± 1,5	14	8	9,5 ± 1,6	13	8	9,5 ± 1,5	14
Phân hữu cơ vi sinh (kg/ha/năm)		270	399 ± 63	600	108	776 ± 203	1.147	1.080	1.985 ± 808	4.590

3.4. Tình hình bệnh hại và biện pháp phòng trị cho cây thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Hiện nay, thanh long trồng tại huyện Tam Bình có xuất hiện các loại sâu, côn trùng gây hại phổ biến như sâu đất, bọ trĩ và ruồi vàng. Một số bệnh thường gặp như đốm nâu và thán thư. Kết quả điều tra tại Long An cho thấy các loài sâu hại rất đa dạng (Lê Thị Diệu và Nguyễn Văn Huỳnh, 2009). Điều này cho thấy tiềm năng gây hại khác nhau của các loài sâu này. Trong suốt các giai đoạn phát triển của

cây thanh long từ giai đoạn cây con, xử lý ra hoa, trái non, sau khi đậu trái đến thu hoạch đều xuất hiện bệnh (Bảng 5). Biện pháp phòng trị sâu, bệnh hại trên cây thanh long tại huyện Tam Bình chủ yếu là biện pháp hóa học khi cây vừa xuất hiện bệnh. Bệnh đốm nâu xuất hiện đến 59,4% tổng số hộ điều tra, bệnh nám cành chiếm 26,2%, bệnh thán thư chiếm 12,3%, còn lại là bệnh thối ngọn, thối đầu cành. Theo Đoàn Minh Vương và cộng tác viên (2015), để phát triển chuỗi giá trị thanh long cần phải trị được bệnh đốm nâu.

Bảng 5. Sự xuất hiện sâu bệnh hại ở các giai đoạn sinh trưởng và phát triển đối với cây thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long năm 2019

Giai đoạn sinh trưởng và phát triển	Sâu, côn trùng		Bệnh	
	Loại sâu	Phòng trị	Loại bệnh	Phòng trị
Cây con	Đất	Regent, Sulfaron	Đốm nâu, thán thư	Ridomil, Antracol
Xử lý ra hoa	Bọ trĩ	Actara	Đốm nâu	Amistar top
Trái non	Bọ trĩ	Actara	Đốm nâu	Ridomil+kasumin Amistar top, Antracol
Sau khi đậu trái đến thu hoạch trái	Ruồi vàng	Vizubon-D	Thối trái	Chitosan, Kasugamycin, Streptomycin

Theo kết quả khảo sát 120 hộ canh tác thanh long có 89 hộ đang canh tác thanh long bằng trụ và 31 hộ trồng giàn. Kết quả cho thấy việc trồng giàn hay trồng trụ đều xuất hiện các bệnh hại phổ biến

như đốm nâu và thán thư. Tuy nhiên, cách trồng thanh long bằng trụ thì tỷ lệ bệnh xuất hiện nhiều hơn so với trồng giàn (Bảng 6).

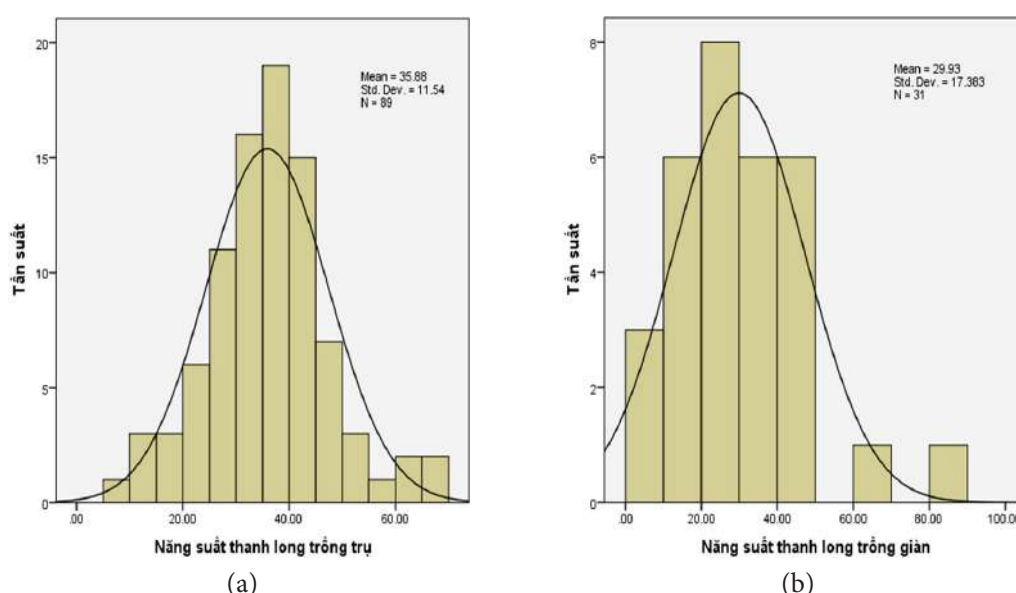
Bảng 6. Tỷ lệ bệnh xuất hiện trên thanh long trồng trụ và trồng giàn tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long năm 2019

Hình thức trồng	Số hộ	Các bệnh thường gặp	Biện pháp	Tỷ lệ xuất hiện bệnh (%)
Trồng trụ	89	Đốm nâu, thán thư	Phun xịt	70
Trồng giàn	31	Đốm nâu, thán thư	Phun xịt	55

3.5. Năng suất thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Năng suất trung bình thanh long tại huyện Tam Bình được tính trên những vườn có độ tuổi trên 2 năm. Năng suất dao động từ 20 - 50 tấn/ha/năm chiếm khoảng 78,3%, trung bình khoảng 34,3 tấn/ha/năm. Bên cạnh đó, năng suất thanh long đạt

hơn 50 tấn/ha/năm chiếm 8,3%. Kết quả điều tra cho thấy tần suất của nông hộ có năng suất lên đến 80 tấn/ha là 2 hộ. Điều này cho thấy năng suất tiềm năng của thanh long vẫn cao. Năng suất thanh long trồng giàn cao hơn thanh long trồng trụ. Trong đó, năng suất trung bình của thanh long trồng trụ 35,9 tấn/ha/năm và trồng giàn 60,1 tấn/ha/năm (Hình 1).



Hình 1. Năng suất thanh long (a) trồng trụ và (b) trồng giàn năm 2019 tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

3.6. Phân tích ma trận SWOT về hiện trạng canh tác thanh long tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Kết quả phân tích những điểm mạnh, điểm yếu,

cơ hội và thách thức trong sản xuất thanh long được tổng hợp trong bảng 7.

Bảng 7. Ma trận SWOT của sản xuất thanh long tại huyện Tam Bình

Phân tích SWOT		Yếu tố bên trong	
		Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
		1. Đất thích hợp để trồng thanh long. 2. Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất thanh long. 3. Cây ra hoa và thu hoạch rải vụ trong năm.	1. Ít có cơ hội tham gia lớp tập huấn sản xuất. 2. Ít lao động tham gia vào sản xuất. 3. Diện tích đất trồng thanh long nhỏ.
Yếu tố bên ngoài	Cơ hội (O)	O + S	O + W
	1. Đã thành lập được hợp tác xã sản xuất thanh long	1. Tận dụng nguồn lực của nông hộ là kinh nghiệm sản xuất nhằm nâng cao năng suất thanh long. 2. Tăng cường sử dụng các biện pháp sinh học nhằm cung cấp dinh dưỡng để tạo ra những sản phẩm sạch đáp ứng nhu cầu thị trường.	1. Hỗ trợ các lớp tập huấn kỹ thuật canh tác phù hợp cho địa phương. 2. Nghiên cứu biện pháp bảo quản phù hợp.
	Thủ thách (T)	T + S	T + W
	1. Xuất hiện và gia tăng bệnh đốm nâu, nám cành và thán thư. 2. Phần lớn người canh tác đều sử dụng thuốc hóa học trong phòng trừ sâu, bệnh hại.	1. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để giảm bệnh hại bao gồm cả biện pháp sinh học.	1. Tập huấn quản lý bệnh đốm nâu và các dịch hại khác theo hướng sản xuất an toàn.

IV. KẾT LUẬN

Nông dân có kinh nghiệm trong canh tác thanh long mặc dù diện tích nhỏ lẻ. Ngoài ra, người trồng thanh long có kỹ thuật canh tác phù hợp về thiết kế mô hay liếp, tưới tiêu nước, quản lý cỏ và xử lý ra hoa trái vụ. Người trồng thanh long bón phân cao, không cân đối và mật độ trồng dày hơn so với khuyến cáo. Hơn nữa, phân hữu cơ vi sinh hay chế phẩm vi sinh chưa được sử dụng phổ biến. Bên cạnh đó, bệnh đốm nâu và thán thư là các bệnh xuất hiện phổ biến. Tuy nhiên, biện pháp hóa học để phòng trừ sâu, bệnh hại được sử dụng chủ yếu. Bệnh trên cây thanh long là một trong các trở ngại lớn để hướng đến canh tác bền vững. Trồng giàn cần nhiều phân bón hơn, nhưng ít bệnh hại hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê Văn Bé, Trần Văn Trưa, Trương Quốc Thanh, Nguyễn Đoàn Thăng và Nguyễn Thanh Thiện, 2014. Hiệu quả bóng đèn compact đến sự ra hoa nghịch mùa cây thanh long (*Hylocereus Undatus*) tại

huyện Châu Thành, tỉnh Long An. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Nông nghiệp*, 2014 (4): 6-13.

Lê Thị Diệu và Nguyễn Văn Huỳnh, 2009. Điều tra thành phần loài sâu hại, thiên địch và ruồi đục trái trên cây thanh long tại tỉnh Long An. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 11: 1-10.

Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Nguyễn Ngọc Minh, 2014. Hiệu quả tài chính của mô hình trồng thanh long ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 3: 27-30.

Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Tam Bình, 2019. Báo cáo số 76/BC-PNN&PTNT ngày 10/12/2019 của phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Tam Bình về tổng kết công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2019 và triển khai kế hoạch năm 2020, trang 4.

Trần Danh Sửu, Nguyễn Văn Hòa, Võ Hữu Thoại, Trần Thị Oanh Yến, Phạm Thị Xuân, Nguyễn Ngọc Thi, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thành Hiếu, Đặng Thị Kim Uyên, Lê Quốc Điền, Trần Thị Mỹ Hạnh,

Đặng Thùy Linh, Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Thanh Tùng, 2017. *Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây thanh long*. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

Đoàn Minh Vương, Võ Thị Thanh Lộc, Huỳnh Vũ Kiệt và Nguyễn Thanh Tiến, 2015. Phân tích chuỗi giá trị thanh long tại huyện chợ gạo tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật, 36: 10-22.

Evaluation of cultivation status of dragon fruit grown on acid sulfate soil in Tam Binh district, Vinh Long province

Nguyen Minh Chanh, Le Vinh Thuc,
Ly Ngoc Thanh Xuan, Nguyen Quoc Khuong

Abstract

This paper presents the results of evaluation of cultivation status of dragon fruit grown on acid sulfate soil in Tam Binh district, Vinh Long province by interviewing of farmers and SWOT matrix analysis in the period of 10/2019 - 4/2020. A total of 120 farmers were interviewed by using prepared questionnaire for practical techniques, fertilizer application, pests and diseases. The results showed that farmers possessed such useful experience, however, cultivation areas of dragon fruit were very small. Moreover, farmers properly applied the practical techniques including bed design, irrigation, weed management, flowering induction treatment. The amount of N, P, K fertilizers for dragon fruit on pillar and trellis practice was 798, 455 and 456 kg ha⁻¹, respectively which was imbalanced and over recommended amount. Most farmers have not used microbial organic fertilizer or biofertilizer. Therefore, SWOT analysis showed that diseases including leaf spot and anthracnose were popular in dragon fruit cultivation in Tam Binh district, Vinh Long province.

Keywords: Dragon fruit (*Hylocereus costaricensis* L.), cultivation status, pest and disease, fertilizer

Ngày nhận bài: 18/5/2020
Ngày phản biện: 01/6/2020

Người phản biện: TS. Trần Thị Oanh Yến
Ngày duyệt đăng: 19/6/2020

PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG KỸ THUẬT CANH TÁC CAM SÀNH TẠI HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Phúc Luông¹, Lê Vĩnh Thúc²,
Lý Ngọc Thanh Xuân³, Nguyễn Quốc Khương²

TÓM TẮT

Việc phát triển cây cam sành trên nền đất lúa trở nên phổ biến và đối mặt với một số khó khăn do trồng liên tục. Mục tiêu nghiên cứu là: (i) Khảo sát kỹ thuật canh tác cam sành trên nền đất lúa; (ii) Xác định tình hình sử dụng phân bón vô cơ, hữu cơ và bệnh hại đối với cây cam sành; (iii) Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của mô hình trồng cam sành tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Nghiên cứu được thực hiện trên 137 nông hộ để thu thập dữ liệu về hiện trạng canh tác, tình hình sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Kết quả cho thấy một số kỹ thuật canh tác chưa phù hợp như: mật độ trồng dày, xử lý ra hoa sớm, bón phân không cân đối, ít sử dụng phân hữu cơ và chế phẩm vi sinh so với khuyến cáo. Trong đó, lượng phân N, P₂O₅ trung bình tương ứng là 558; 620 kg/ha/năm, không cân đối và cao hơn so với công thức khuyến cáo 280 - 375 kg N ha⁻¹, 150 - 200 kg P₂O₅ ha⁻¹. Mặt khác, nông hộ canh tác cam sành có quan tâm đến quản lý dịch hại theo hướng sinh học như nuôi kiến vàng trong khi một số nông hộ không dùng hóa chất để xử lý ra hoa. Phân tích SWOT cho thấy người dân trồng cam sành tại huyện Vũng Liêm có thể nâng cao năng suất nếu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Từ khóa: Cam sành, năng suất, phân bón, sâu bệnh hại

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vũng Liêm nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Vĩnh Long, là huyện sản xuất nông nghiệp chủ yếu trồng lúa, phát triển cây ăn trái. Tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện là 30.959,9 ha với 24.480,4 ha diện tích đất nông nghiệp, trong đó diện tích đất canh tác lúa

chiếm 14.000 ha. Trước đây, huyện Vũng Liêm có nước ngọt gần như quanh năm rất thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên nước mặn xâm nhập sâu vào nội đồng gây bất lợi đến vườn cây ăn trái cũng như sản xuất lúa. Xuất phát từ hiệu

¹ Học viên cao học ngành Hệ thống canh tác khóa 25, Trường Đại học Cần Thơ

² Bộ môn Khoa học cây trồng, khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ; ³ Trường Đại học An Giang